

LD VIETSOVPEIRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/03/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+P4	7:25	9+13	0+0		6+15	0+0	
2		MRM+PVD2+PPD	7:25	5+16+0	0+0+0		3+0+12	0+0+0	
3		RP3+P7	9:25	18+0	0+0		14+6	0+0	
4		PPD+CLO+P6	9:25	21+0+0	0+0+0		16+1+1	0+0+0	chuyen 2 CLO-P6

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	TO: PPD - P4	CREW: QViệt - MTHAO - MQUÂN	ETA: 09:15
CAM - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MINH VIÊN	PPD	92-93	2	10		75	KHI	Vietnamese
2	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	90	1	7		92	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐĂNG HUY	PPD	98	1	10		80	KHI	Vietnamese
4	PHẠM ĐỨC TUÂN	PPD	94	1	4		70	KHI	Vietnamese
5	VÕ QUANG ĐẠT	PPD	89	1	7		58	KHI	Vietnamese
6	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	95	1	6		77	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD	97	1	7	10	78	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN TIỀN QUANG	PPD	96	1	5		67	KHI	Vietnamese
9	HÀ THẾ BẢO	PPD	91	1	8		80	KHI	Vietnamese
10	TRƯƠNG THANH GIÁP	P4	47	1	5		76	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	50	1	3		67	KHI	Vietnamese
12	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	49	1	3		56	KHI	Vietnamese
13	BUI ĐĂNG TIẾN	P4	51	1	3		65	KHI	Vietnamese
14	DOÀN THANH CÔNG	P4	75	1	7		73	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG KIỂM	P4	53	1	3		82	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN ANH	P4	52	1	5		60	KHI	Vietnamese
17	TRẦN VĂN THAI	P4	55	1	4	20	62	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	46	1	8	55	68	KHI	Vietnamese
19	PHẠM HỮU THỌ	P4	74	1	7		65	KHI	Vietnamese
20	TRỊNH XUÂN HUYỀN	P4	48	1	5		76	KHI	Vietnamese
21	LÊ MINH HIẾU	P4	54	1	6		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	9	10	64	677	10	6		
2	P4	12	12	59	820	75	15		
TOTAL		21	22	123	1.497	85	21		
WEIGHT KG				123	1.497	85			

GRAND TOAL: 1.705 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	TO: MRM - PVD2 - PPD	CREW: Hạnh - NPhú - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DMITRII MIKHAILOV	MRM	44	1	7		110	KHOAN	Russian
2	LÊ QUANG TẠO	MRM	40-41	2	20	28	65	KHOAN	Vietnamese
3	MAI DAI HAI	MRM	45	1	1		68	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM THE TAM	MRM	46-47	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN THE HUNG	MRM	38-39	2	14	25	80	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN NGOC	PVD2	78-79	2	10		62	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HIEU	PVD2	56	1	20		87	DVL	Vietnamese
8	LÊ HUY	PVD2	72	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM HỒNG VŨ	PVD2	59-60	2	18		50	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	PVD2	73	1	14		74	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ NGỌC CƯỜNG	PVD2	62-63	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN TRONG	PVD2	67-68	2	20		69	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN HỮU QUYNH	PVD2	66	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN VIỆT HUNG	PVD2	76-77	2	20		79	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐÀO HỮU TUYẾN	PVD2	74-75	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN MANH	PVD2	64-65	2	19		60	XAYLAP	Vietnamese
17	DUONG VAN QUAN	PVD2	69	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN MANH TUAN	PVD2	70	1	10		77	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI VAN TUAN	PVD2	71	1	9		63	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐÀO MINH HAI	PVD2	61	1	14		69	XAYLAP	Vietnamese
21	VŨ TŨ HUE	PVD2	57-58	2	16		56	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	5	8	57	403	53	3		
2	PVD2	16	24	239	1.084	0	0		
3	PPD	0	0	0	0	0	12		
TOTAL		21	32	296	1.487	53	15		
WEIGHT KG				296	1.487	53			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

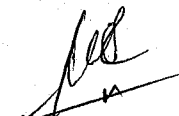
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 03	TO: RP3 - P7	CREW: QViệt - MTHAO - MQUÂN	ETA: 11:25
CAM - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN HOANG	RP3	20	1	3		84	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HOÀNG NAM	RP3	92	1	5		82	KHI	Vietnamese
3	VŨ MẠNH CUÔNG	RP3	83-84	2	12		69	KHI	Vietnamese
4	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	393	1	4		73	KHI	Vietnamese
5	BUI VĂN PHU	RP3	87	1	3		68	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN CHÍNH THỊ	RP3	94	1	4		76	KHI	Vietnamese
7	LÊ HOÀNG ANH	RP3	97	1	5		70	KHI	Vietnamese
8	PANKRATOV P.E	RP3	96,397	2	15		83	KHI	Russian
9	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	390	1	5		83	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC CUÔNG	RP3	95-96	2	15		80	KHI	Vietnamese
11	LÊ XUÂN HIỀN	RP3	93	1	5		75	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT KÝ	RP3	98-99	2	14	25	68	KHI	Vietnamese
13	PHẠM HỒNG LINH	RP3	394	1	10		75	KHI	Vietnamese
14	TRẦN VƯƠNG HÙNG	RP3					85	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC HÙNG	RP3	88-89	2	17		78	KHI	Vietnamese
16	TRẦN THANH HẬU	RP3	82,395	2	20		71	KHI	Vietnamese
17	LAI TUẤN KÝ	RP3	85-86	2	10		105	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN TUẤN NGỌC	RP3	90-91	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	18	25	167	1.385	25	16		
2	P7	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		18	25	167	1.385	25	22		
WEIGHT KG				167	1.385	25			

GRAND TOAL: 1.577 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	TO: PPD - CLO - P6	CREW: Hạnh - NPhú - Toàn	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGHIEM XUAN MINH	PPD	69	1	5		60	KHI	Vietnamese
2	BUI NGOC HUONG	PPD	61	1	8		65	KHI	Vietnamese
3	LE HONG PHONG	PPD	64-65	2	12	10	80	KHI	Vietnamese
4	VU VAN CHIEN	PPD	63	1	6		74	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN TRUONG SON	PPD	60	1	6		58	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN VAN CHIEN	PPD	76	1	5		56	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN VAN VINH	PPD	58	1	7		84	KHI	Vietnamese
8	PHAM VAN THIET	PPD	70	1	8		65	KHI	Vietnamese
9	GALLIAMOV	PPD	66	1	6		75	KH-THAC	Russian
10	LE HUY VINH	PPD	59	1	6		66	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN HUY TRUONG	PPD	68	1	6		65	KHI	Vietnamese
12	CHU MINH PHUONG	PPD	62	1	6		90	KHI	Vietnamese
13	LE QUANG NINH	PPD					65	KHI	Vietnamese
14	VU DUC HOANG	PPD	57	1	6		65	KHI	Vietnamese
15	ĐẶNG PHÚC THẮNG	PPD	56	1	3		83	KHI	Vietnamese
16	LUU QUY TRUNG	PPD	52	1	6		67	PSV	Vietnamese
17	QUACH SY TY	PPD	54	1	5		71	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN KIEN	PPD	55	1	3		70	PSV	Vietnamese
19	LY CAO THANG	PPD	53	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	19	19	109	1.334	10	16		CHUYEN 2 PAX CLO SANG P6
2	CLO	0	0	0	0	0	2	+2	
3	P6	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		19	19	109	1.334	10	19		
WEIGHT KG				109	1.334	10			

GRAND TOAL: 1.453 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN